

Số: /2026/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3800/TTr-SGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2026 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 597/BC-STP ngày 22 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Thay thế một số nội dung tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND

Thay thế cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố*” bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường*” tại Điều 3.

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số nội dung tại Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng

Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học, mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại *Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.*

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng:

a) Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề: Theo chi phí thực tế, tối đa 4 triệu đồng/người/khóa học.

b) Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 4 triệu đồng/người/khóa học.

c) Giáo dục định hướng: Theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khóa học.

d) Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 50.000 đồng/người/ngày.

đ) Hỗ trợ tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng.

e) Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào

tạo: mức 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 5 km trở lên.

2. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài gồm:

a) Hỗ trợ lệ phí làm hộ chiếu, lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp: theo mức thu lệ phí quy định của pháp luật.

b) Hỗ trợ lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động.

c) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

3. Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thỏa thuận:

a) Người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo yêu cầu của hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài được hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ: mức hỗ trợ bằng 70% chi phí đào tạo của từng khóa học của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá 4 triệu đồng/người/khóa học;

b) Người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước tiếp nhận lao động: hỗ trợ chi phí đào tạo theo thỏa thuận.”

c) Thay thế cụm từ “*Quỹ quốc gia về việc làm*” thành “*nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm*” tại khoản 2 Điều 5.

d) Thay thế cụm từ “*Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lao động, việc làm*” thành “*Sở Nội vụ*” tại khoản 1 và điểm c, khoản 5 Điều 8.

đ) Thay thế cụm từ “*Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp*” thành “*Sở Giáo dục và Đào tạo*” tại khoản 1 và điểm c, khoản 5 Điều 8.

e) Thay thế cụm từ “*Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường*” thành “*Sở Nông nghiệp và Môi trường*” tại khoản 2 Điều 8.

g) Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*” thành “*Ủy ban nhân dân cấp xã*” tại: điểm a khoản 1 Điều 8; tên gọi khoản 5 Điều 8; điểm a và điểm c, khoản 5 Điều 8; điểm a và điểm c, khoản 6 Điều 8.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: GDĐT, NV, NNMT;
- Cục KTVB&TCTHPT, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và PTTH Lạng Sơn;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhân